

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 217/2021/DS-ST

Ngày: 04 - 6 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2020/TB-TLVA ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 36/1 tổ 12 ấp TH, xã TH, huyện CT, Tiền Giang.

2/ **Bị đơn:** Trần Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Ngày 13/12/2019 chị H có cho anh T vay số tiền 78.400.000đ, lãi suất 01%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 13/12/2019. Khi vay anh T có viết vào bản hợp đồng cho mượn tiền cho chị H. Từ khi vay đến nay đã quá hạn mà anh T không trả cho chị H số tiền vốn và lãi suất theo thỏa thuận, chị H đã nhiều lần đến nhà yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T hứa hẹn mà không trả tiền cho chị. Do vậy chị H

khởi kiện yêu cầu anh T trả cho chị 78.400.000đ và lãi suất tính từ ngày 13/01/2020 đến ngày 16/10/2020 là 7.840.000đ, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bị đơn Trần Văn T nhưng anh T không có tự khai trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn. Tòa án Thông báo cho anh T giao nộp bổ sung chứng cứ chứng minh số tiền còn nợ và đã thanh toán nợ hay chưa nhưng anh T không có ý kiến và cũng không giao nộp chứng cứ. Tòa án Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T không đến Tòa án tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H giữ nguyên khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 78.400.000đ và lãi suất 01% tính từ ngày 13/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 04/6/2021 tính tròn 16 tháng.

Phía bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trần Văn T.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H cung cấp chứng cứ là Bản hợp đồng cho mượn tiền ngày 13/12/2019; Nội dung có ghi thời điểm xác lập hợp đồng, số tiền vay, lãi suất, phương thức trả tiền vay, được anh T đồng ý, ký và ghi rõ họ tên; Bản tự khai của nguyên đơn trình bày chi tiết số tiền vay và mức lãi suất hai bên thỏa thuận. Xét thấy bản hợp đồng cho mượn tiền các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, về hình thức và nội dung hợp đồng trên phù hợp pháp luật

Tòa án đã thông báo cho anh T các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện nhưng anh T không có văn bản phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn đã cung cấp là đúng sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh T đã vay và còn nợ chị H số tiền là 78.400.000đ vốn vay và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay: Xét thấy anh T đã không trả nợ đúng kỳ hạn theo thỏa thuận kể từ ngày 13/01/2020, chị H đã nhiều lần yêu cầu anh T trả số tiền vốn vay 78.400.000đ và tiền lãi cho chị H nhưng anh T không thực hiện. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của anh T, do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị H.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: chị H yêu cầu anh T phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng là ngày 13/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 04/6/2021 theo mức lãi suất 01%/tháng tính tròn 16 tháng với số tiền là 12.544.000đ, chị H tự nguyện yêu cầu tính tròn 12.500.000đ. Xét thấy số tiền lãi chị H yêu cầu được tính căn cứ theo mức lãi suất là phù hợp quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Xét việc chị H tự nguyện yêu cầu tính tròn 16 tháng tiền lãi và 12.500.000đ tiền lãi là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh T trả cho chị H 78.400.000đ tiền vốn và 12.500.000đ tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật. Tổng cộng anh T phải trả cho chị H 90.900.000đ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:
 $90.900.000đ \times 05\% = 4.545.000đ$.
- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc bị đơn Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H số tiền 90.900.000 đồng (Chín mươi triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bị đơn Trần Văn T chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T phải chịu 4.545.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H 2.156.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003472 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.HCT
- Chi cục THADS.HCT.
- Các Đ/S.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ